

Bản án số: **07/2025/DS-ST**

Ngày: 25-02-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Bà Sử Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 04/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T1**

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Bùi Thúy D**, sinh năm 1996, trú tại: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn X**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Bùi Thúy D trình bày:*

Ngày 19/11/2021 ông Trần Văn X với Hộ kinh doanh T1 thống nhất thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm với nhau nhưng chỉ thỏa thuận miệng, cụ thể Hộ kinh doanh sẽ cung ứng thức ăn tôm, thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông X. Sau đó đến ngày 01/01/2022 thì hai bên có lập thành hợp đồng mua bán, ngoài việc lập hợp đồng ra thì mỗi lần mua bán ông X có ký nhận vào sổ mua bán.

Hai bên thực hiện trong một thời gian dài thì đến ngày 13/5/2022 ông X còn nợ lại Hộ kinh doanh Tân Quang M tổng cộng số tiền 26.851.000 đồng.

Ông Trần Văn X không có vợ.

Nay đại diện cho Hộ kinh doanh T1 yêu cầu ông Trần Văn X phải trả cho H kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là 33.116.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm mười sáu nghìn đồng), trong đó: gốc 26.851.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/9/2024 (28 tháng) số tiền 6.265.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2025 bị đơn ông Trần Văn X trình bày:*

Ngày 19/11/2021 ông cùng H kinh doanh Tân Quang M có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm. Đến ngày 01/01/2022 thì hai bên mới ký kết hợp đồng mua bán. Người đại diện cho H kinh doanh Tân Quang M giao dịch với ông là ông T (không rõ họ gì). Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn thanh toán là cuối mỗi vụ tôm. Tuy nhiên, ông T có thỏa thuận miệng với ông là nếu đến vụ tôm không thanh toán được đầy đủ tiền thì phải thanh toán ít nhất là 60% số tiền còn nợ.

Thời điểm Hộ kinh doanh T1 không cung cấp thức ăn cho ông thì ông còn nợ H kinh doanh Tân Quang M số tiền 41.000.000 đồng, nhưng không nhớ tháng nào.

Sau đó ông có trả cho H kinh doanh Tân Quang M 02 lần được 28.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 13.000.000 đồng. Hai lần trả tiền này đều có mặt bà Bùi Thúy D.

Hộ kinh doanh Tân Quang M cho rằng ông còn nợ số tiền gốc 26.851.000 đồng là không đúng.

Ông thừa nhận chữ ký tên “Xem” trong quyển tập do H kinh doanh Tân Quang M cung cấp cho Tòa án là chữ ký tên của ông. Tuy nhiên, khi ký ông không xem kỹ, kêu ông ký thì ông ký. Nay xem kỹ lại thấy ghi số tiền 30.000.000 đồng là không đúng.

Chữ ký tên và chữ viết tên trong bảng đối chiếu công nợ đề ngày 24/4/2022 là chữ ký và chữ viết tên của ông.

Đối với số tiền còn nợ 13.000.000 đồng từ từ ông sẽ trả, không hẹn được thời gian. Ông và vợ đã ly thân nhua 03 năm nay. Việc mua bán thức ăn một mình ông mua nên ông tự chịu trách nhiệm trả.

*** *Tại phiên tòa:***

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Văn X phải trả số tiền mua bán gốc còn nợ là 26.851.000 đồng, lãi do trước đây tính nhầm nên yêu cầu số tiền 6.265.000 đồng, nhưng nay chỉ yêu cầu trả lãi 10%/năm tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/9/2024 (28 tháng) số tiền 6.240.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trần Văn X trả cho H kinh doanh Tân Quang M tổng cộng số tiền gốc và lãi là 33.091.000 đồng, trong đó: gốc 26.851.000 đồng, lãi 6.240.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án có Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/02/2025 và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên họp vắng mặt bị đơn ông Trần Văn X lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng nên Tòa án chỉ tiến hành công khai chứng cứ.

Sau đó Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng, đồng thời người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Văn X theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền mua bán theo hợp đồng còn thiếu; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản* và bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn hộ kinh doanh T1 với bị đơn ông Trần Văn X có xác lập hợp đồng mua bán tài sản với nhau.

Theo bị đơn ông X xác định, tính đến thời điểm Hộ kinh doanh Tân Quang M không cung cấp thức ăn cho ông nữa thì ông còn nợ lại H kinh doanh Tân Quang M số tiền 41.000.000 đồng, nhưng sau đó đã trả được thêm 02 lần với số tiền 28.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 13.000.000 đồng. Do đó, nay chỉ đồng ý trả số tiền còn thiếu là 13.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày thừa nhận của bị đơn ông X xác định được, quá trình mua bán giữa hai bên thì bị đơn ông X đều có ký vào sổ mua bán để xác định số tiền còn nợ. Đồng thời, trong sổ mua bán giữa hai bên thể hiện đến ngày 13/5/2022 thì bị đơn ông X còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng (bút lục số 01) và bản thân ông X cũng thừa nhận chữ ký trong sổ này là của ông, nhưng ông cho rằng số tiền này là không đúng nhưng lại không có chứng cứ gì để phản đối. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông X đã nêu ra. Đồng thời, lời trình bày của bị đơn ông X không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận nên ông X phải

chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối số tiền gốc mua bán còn thiếu là 26.851.000 đồng từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/9/2024 theo mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Vì, như đã phân tích phần trên theo sổ theo dõi mua bán thì tính đến ngày 13/5/2022 bị đơn ông X còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng và trả được 3.150.000 đồng nên còn nợ lại 26.851.000 đồng và từ đó đến nay chưa trả thêm cho nguyên đơn được đồng nào. Tuy trong hợp đồng giữa hai bên ký kết không có thỏa thuận lãi suất, nhưng kể từ ngày 14/5/2022 đến nay ông X đã không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho H kinh doanh Tân Quang M mặc dù có đòi nhiều lần. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *".....có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"* mà mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là 20%/năm, như vậy mức lãi suất trong trường hợp này được xác định là 10%/năm = 0,83%/tháng.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, thì số tiền lãi Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu được tính toán cụ thể như sau:

- Thời gian từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/9/2024 là 28 tháng.
- Số tiền lãi là: 6.240.172 đồng, làm tròn 6.240.000 đồng. Trong đó:
 $(26.851.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) = 222.863 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 6.240.172 \text{ đồng}.$

Từ các phân tích trên xác định, nay ông X có trách nhiệm phải trả cho H kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán còn nợ và lãi do chậm trả tiền mua bán tổng cộng là 33.091.000 đồng, vì đây là nghĩa vụ trả nợ của bên mua tài sản theo quy định tại Điều 274, 275, 280, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn ông Trần Văn X phải chịu 1.654.550 đồng (33.091.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 274, 275, 280, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Văn X phải trả cho H kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là 33.091.000 đồng, trong đó: gốc 26.851.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/9/2024 (28 tháng) bằng 6.240.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Hộ kinh doanh T1, nếu ông Trần Văn X không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho Hộ kinh doanh T1 thì hàng tháng ông X còn phải trả tiền lãi cho H kinh doanh Tân Quang M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn X phải chịu 1.654.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh T1 827.900 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002366 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh